

BAO CÁO TÌNH HÌNH HỌC SAU TẾT

Báo cáo ngày 14/02/2022 dành cho các trường Trung học.

- Thời hạn báo cáo: Trước 15 giờ 00, ngày 14/02/2022.
 - Các nội dung số liệu: SỐ LIỆU NÀO KHÔNG CÓ với cấp học thì NHẬP MỘT SỐ 0.
 - Trường có nhiều điểm trường: Tổng hợp tất cả điểm trường và báo cáo 01 lần cho toàn bộ trường.
- Dòng ngay dưới đây nhập địa chỉ mail chính thức của đơn vị để nhận phản hồi của hệ thống

***Bắt buộc**

1. Email *

THÔNG TIN ĐƠN VỊ

2. Mã số báo cáo *

Nhập mã số báo cáo (4 số) của đơn vị. Có thể xem mã số báo cáo tại địa chỉ:

<https://gdtrunghoc.hcm.edu.vn/tien-do-hop-bao-cau/tong-hop-tien-do-hop-tap-huan-bao-cau-cua-don-vi-co-so/ct/42017/65255>

3. Tên trường *

Nhập đầy tên trường. Ví dụ: THPT Bùi Thị Xuân; THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm.

4. Cấp trường *

Chọn cấp học của trường

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Chỉ có THCS

☐ Chỉ có THPT

☐ THCS và THPT

5. Quận/Huyện/TP *

Chọn Quận, Huyện hoặc thành phố theo địa chỉ của Trường. Trường có nhiều điểm trường thì chọn theo Điểm chính của trường

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Quận 1
- ☐ Quận 3
- ☐ Quận 4
- ☐ Quận 5
- ☐ Quận 6
- ☐ Quận 7
- ☐ Quận 8
- ☐ Quận 10
- ☐ Quận 11
- ☐ Quận 12
- ☐ Thành phố Thủ Đức
- ☐ Quận Bình Tân
- ☐ Quận Bình Thạnh
- ☐ Quận Gò Vấp
- ☐ Quận Phú Nhuận
- ☐ Quận Tân Bình
- ☐ Quận Tân Phú
- ☐ Huyện Bình Chánh
- ☐ Huyện Cần Giờ
- ☐ Huyện Củ Chi
- ☐ Huyện Hóc Môn
- ☐ Huyện Nhà Bè

6. LỚP 6**6. 6.1. Số Lớp 6 ***

Tổng số lớp 6 theo biên chế tổ chức của nhà trường

7. 6.2. Số HS6 *

Tổng số học sinh lớp 6 theo danh sách chính thức của nhà trường.

8. 6.3. Số HS6 học trực tiếp *

Số học sinh lớp 6 đã đến trường học trực tiếp

9. 6.4. Số HS6 ở Tỉnh *

Số học sinh lớp 6 còn vương ở Tỉnh, chưa về thành phố để học trực tiếp

10. 6.5. Số HS6 vắng do bệnh *

Số học sinh 6 vắng, không thể đến trường học trực tiếp vì lý do sức khỏe

11. 6.6. Số tiết dạy trực tiếp lớp 6 *

Tổng số tiết dạy trực tiếp cho học sinh lớp 6 trong 1 tuần (đối với HS đi học trực tiếp được)

12. 6.7. Số tiết dạy trực tuyến lớp 6 *

Tổng số tiết dạy TRỰC TUYẾN cho học sinh lớp 6 trong 1 tuần (đối với HỌC SINH ĐI HỌC TRỰC TIẾP được)

13. 6.8. Hình thức học Lớp 6 *

Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh lớp 6. Nếu chọn khác thì ghi thêm hình thức cụ thể

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ 2 buổi/ngày

☐ 1 buổi/ngày

☐ Mục khác: _____

14. 6.9. Số HS6 học Internet *

Tổng số học sinh lớp 6 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

15. 6.10. Số tiết HS6 học trực tuyến *

Tổng số tiết/tuần dành cho học sinh 6 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

16. 6.11. Kiểm tra HK1 *

Dự kiến lịch kiểm tra HK1 từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm (ví dụ: 21/02/2022-06/03/2022)

7. LỚP 7

17. 7.1. Số Lớp 7 *

Tổng số lớp 7 theo biên chế tổ chức của nhà trường

18. 7.2. Số HS7 *

Tổng số học sinh lớp 7 theo danh sách chính thức của nhà trường.

19. 7.3. Số HS7 học trực tiếp *

Số học sinh lớp 7 đã đến trường học trực tiếp

20. 7.4. Số HS7 ở Tỉnh *

Số học sinh lớp 7 còn vương ở Tỉnh, chưa về thành phố để học trực tiếp

21. 7.5. Số HS7 vắng do bệnh *

Số học sinh 7 vắng, không thể đến trường học trực tiếp vì lý do sức khỏe

22. 7.6. Số tiết dạy trực tiếp lớp 7 *

Tổng số tiết dạy trực tiếp cho học sinh lớp 7 trong 1 tuần (đối với HS đi học trực tiếp được)

23. 7.7. Số tiết dạy trực tuyến lớp 7 *

Tổng số tiết dạy TRỰC TUYẾN cho học sinh lớp 7 trong 1 tuần (đối với HỌC SINH ĐI HỌC TRỰC TIẾP được)

24. 7.8. Hình thức học Lớp 7 *

Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh lớp 7. Nếu chọn khác thì ghi thêm hình thức cụ thể

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ 2 buổi/ngày

☐ 1 buổi/ngày

☐ Mục khác:

25. 7.9. Số HS7 học Internet *

Tổng số học sinh lớp 7 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

26. 7.10. Số tiết HS7 học trực tuyến *

Tổng số tiết/tuần dành cho học sinh 7 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

27. 7.11. Số HS7 chưa xếp loại *

Số lượng học sinh 7 chưa hoàn thành xếp loại Học kỳ I

8. LỚP 8

28. 8.1. Số Lớp 8 *

Tổng số lớp 8 theo biên chế tổ chức của nhà trường

29. 8.2. Số HS8 *

Tổng số học sinh lớp 8 theo danh sách chính thức của nhà trường.

30. 8.3. Số HS8 học trực tiếp *

Số học sinh lớp 8 đã đến trường học trực tiếp

31. 8.4. Số HS8 ở Tỉnh *

Số học sinh lớp 8 còn vương ở Tỉnh, chưa về thành phố để học trực tiếp

32. 8.5. Số HS8 vắng do bệnh *

Số học sinh 8 vắng, không thể đến trường học trực tiếp vì lý do sức khỏe

33. 8.6. Số tiết dạy trực tiếp lớp 8 *

Tổng số tiết dạy trực tiếp cho học sinh lớp 8 trong 1 tuần (đối với HS đi học trực tiếp được)

34. 8.7. Số tiết dạy trực tuyến lớp 8 *

Tổng số tiết dạy TRỰC TUYẾN cho học sinh lớp 8 trong 1 tuần (đối với HỌC SINH ĐI HỌC TRỰC TIẾP được)

35. 8.8. Hình thức học Lớp 8 *

Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh lớp 8. Nếu chọn khác thì ghi thêm hình thức cụ thể

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ 2 buổi/ngày

☐ 1 buổi/ngày

☐ Mục khác: _____

36. 8.9. Số HS8 học Internet *

Tổng số học sinh lớp 8 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

37. 8.10. Số tiết HS8 học trực tuyến *

Tổng số tiết/tuần dành cho học sinh 8 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

38. 8.11. Số HS8 chưa xếp loại *

Số lượng học sinh 8 chưa hoàn thành xếp loại Học kỳ I

9. LỚP 9

39. 9.1. Số Lớp 9 *

Tổng số lớp 9 theo biên chế tổ chức của nhà trường

40. 9.2. Số HS9 *

Tổng số học sinh lớp 9 theo danh sách chính thức của nhà trường.

41. 9.3. Số HS9 học trực tiếp *

Số học sinh lớp 9 đã đến trường học trực tiếp

42. 9.4. Số HS9 ở Tỉnh *

Số học sinh lớp 9 còn vương ở Tỉnh, chưa về thành phố để học trực tiếp

43. 9.5. Số HS9 vắng do bệnh *

Số học sinh 9 vắng, không thể đến trường học trực tiếp vì lý do sức khỏe

44. 9.6. Số tiết dạy trực tiếp lớp 9 *

Tổng số tiết dạy trực tiếp cho học sinh lớp 9 trong 1 tuần (đối với HS đi học trực tiếp được)

45. 9.7. Số tiết dạy trực tuyến lớp 9 *

Tổng số tiết dạy TRỰC TUYẾN cho học sinh lớp 9 trong 1 tuần (đối với HỌC SINH ĐI HỌC TRỰC TIẾP được)

46. 9.8. Hình thức học Lớp 9 *

Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh lớp 9. Nếu chọn khác thì ghi thêm hình thức cụ thể

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ 2 buổi/ngày

☐ 1 buổi/ngày

☐ Mục khác:

47. 9.9. Số HS9 học Internet *

Tổng số học sinh lớp 9 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

48. 9.10. Số tiết HS9 học trực tuyến *

Tổng số tiết/tuần dành cho học sinh 9 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

49. 9.11. Số HS9 chưa xếp loại *

Số lượng học sinh 9 chưa hoàn thành xếp loại Học kỳ I

10. LỚP 10

50. 10.1. Số Lớp 10 *

Tổng số lớp 10 theo biên chế tổ chức của nhà trường

51. 10.2. Số HS10 *

Tổng số học sinh lớp 10 theo danh sách chính thức của nhà trường.

52. 10.3. Số HS10 học trực tiếp *

Số học sinh lớp 10 đã đến trường học trực tiếp

53. 10.4. Số HS10 ở Tỉnh *

Số học sinh lớp 10 còn vương ở Tỉnh, chưa về thành phố để học trực tiếp

54. 10.5. Số HS10 vắng do bệnh *

Số học sinh 10 vắng, không thể đến trường học trực tiếp vì lý do sức khỏe

55. 10.6. Số tiết dạy trực tiếp lớp 10 *

Tổng số tiết dạy trực tiếp cho học sinh lớp 10 trong 1 tuần (đối với HS đi học trực tiếp được)

56. 10.7. Số tiết dạy trực tuyến lớp 10 *

Tổng số tiết dạy TRỰC TUYẾN cho học sinh lớp 10 trong 1 tuần (đối với HỌC SINH ĐI HỌC TRỰC TIẾP được)

57. 10.8. Hình thức học Lớp 10 *

Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh lớp 10. Nếu chọn khác thì ghi thêm hình thức cụ thể

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ 2 buổi/ngày

☐ 1 buổi/ngày

☐ Mục khác: _____

58. 10.9. Số HS10 học Internet *

Tổng số học sinh lớp 10 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

59. 10.10. Số tiết HS10 học trực tuyến *

Tổng số tiết/tuần dành cho học sinh 10 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

60. 10.11. Số HS10 chưa xếp loại *

Số lượng học sinh 10 chưa hoàn thành xếp loại Học kỳ I

11. LỚP 11

61. 11.1. Số Lớp 11 *

Tổng số lớp 11 theo biên chế tổ chức của nhà trường

62. 11.2. Số HS11 *

Tổng số học sinh lớp 11 theo danh sách chính thức của nhà trường.

63. 11.3. Số HS11 học trực tiếp *

Số học sinh lớp 11 đã đến trường học trực tiếp

64. 11.4. Số HS11 ở Tỉnh *

Số học sinh lớp 11 còn vương ở Tỉnh, chưa về thành phố để học trực tiếp

65. 11.5. Số HS11 vắng do bệnh *

Số học sinh 11 vắng, không thể đến trường học trực tiếp vì lý do sức khỏe

66. 11.6. Số tiết dạy trực tiếp lớp 11 *

Tổng số tiết dạy trực tiếp cho học sinh lớp 11 trong 1 tuần (đối với HS đi học trực tiếp được)

67. 11.7. Số tiết dạy trực tuyến lớp 11 *

Tổng số tiết dạy TRỰC TUYẾN cho học sinh lớp 11 trong 1 tuần (đối với HỌC SINH ĐI HỌC TRỰC TIẾP được)

68. 11.8. Hình thức học Lớp 11 *

Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh lớp 11. Nếu chọn khác thì ghi thêm hình thức cụ thể

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ 2 buổi/ngày

☐ 1 buổi/ngày

☐ Mục khác: _____

69. 11.9. Số HS11 học Internet *

Tổng số học sinh lớp 11 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

70. 11.10. Số tiết HS11 học trực tuyến *

Tổng số tiết/tuần dành cho học sinh 11 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

71. 11.11. Số HS11 chưa xếp loại *

Số lượng học sinh 11 chưa hoàn thành xếp loại Học kỳ I

12. LỚP 12

72. 12.1. Số Lớp 12 *

Tổng số lớp 12 theo biên chế tổ chức của nhà trường

73. 12.2. Số HS12 *

Tổng số học sinh lớp 12 theo danh sách chính thức của nhà trường.

74. 12.3. Số HS12 học trực tiếp *

Số học sinh lớp 12 đã đến trường học trực tiếp

75. 12.4. Số HS12 ở Tỉnh *

Số học sinh lớp 12 còn vướng ở Tỉnh, chưa về thành phố để học trực tiếp

76. 12.5. Số HS12 vắng do bệnh *

Số học sinh 12 vắng, không thể đến trường học trực tiếp vì lý do sức khỏe

77. 12.6. Số tiết dạy trực tiếp lớp 12 *

Tổng số tiết dạy trực tiếp cho học sinh lớp 12 trong 1 tuần (đối với HS đi học trực tiếp được)

78. 12.7. Số tiết dạy trực tuyến lớp 12 *

Tổng số tiết dạy TRỰC TUYẾN cho học sinh lớp 12 trong 1 tuần (đối với HỌC SINH ĐI HỌC TRỰC TIẾP được)

79. 12.8. Hình thức học Lớp 12 *

Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh lớp 12. Nếu chọn khác thì ghi thêm hình thức cụ thể

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ 2 buổi/ngày

☐ 1 buổi/ngày

☐ Mục khác: _____

80. 12.9. Số HS12 học Internet *

Tổng số học sinh lớp 12 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

81. 12.10. Số tiết HS12 học trực tuyến *

Tổng số tiết/tuần dành cho học sinh 12 học hoàn toàn trực tuyến trên Internet

82. 12.11. Số HS12 chưa xếp loại *

Số lượng học sinh 12 chưa hoàn thành xếp loại Học kỳ I

KẾT THÚC BÁO CÁO

83. Đánh giá *

Đánh giá tình hình học sinh đi học trực tiếp, thuận lợi, khó khăn, ... (ngắn gọn)

84. Giải pháp *

Các kế hoạch, dự kiến, giải pháp cho thời gian tiếp theo (ngắn gọn)

85. Ghi chú *

Các ý kiến, đề xuất hoặc ghi chú làm rõ hơn các nội dung trên

86. Cán bộ nhập báo cáo *

Nhập họ tên, chức vụ, điện thoại của người báo cáo để liên hệ khi cần (Ví dụ: Nguyễn Văn A, nhân viên CNTT, 090...)

Nội dung này không phải do Google tạo ra hay xác nhận.

Google Biểu mẫu